

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

4 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

1. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp

Tính đến ngày 15/4, cả nước gieo cấy được 2.990,5 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 99,5% cùng kỳ năm trước, trong đó: Các địa phương phía Bắc gieo cấy 1.077,9 nghìn ha, bằng 99,3%; các địa phương phía Nam gieo cấy 1.912,6 nghìn ha, bằng 99,6%.

Tại phía Nam, vùng Đồng bằng sông Cửu Long diện tích gieo cấy lúa đông xuân năm nay giảm 12,7 nghìn ha so với vụ đông xuân năm trước do ảnh hưởng của hạn mặn nên các địa phương chủ động chuyển sang trồng rau màu, cây ăn quả hoặc nuôi trồng thủy sản cho giá trị kinh tế cao hơn.

Tính đến 15/4, các địa phương phía Nam gieo cấy được 395,9 nghìn ha lúa hè thu, bằng 110,7% cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 387,5 nghìn ha, bằng 109,8%. Tiến độ gieo cấy lúa hè thu nhanh hơn cùng kỳ năm 2021 do người dân tranh thủ xuống giống sớm để tránh hạn mặn.

Chăn nuôi trâu, bò trong tháng phát triển ổn định. Chăn nuôi lợn và gia cầm đang hồi phục do các doanh nghiệp, trang trại, hộ chăn nuôi chủ động được nguồn giống, liên kết tiêu thụ sản phẩm đầu ra, đảm bảo vệ sinh, an toàn sinh học (đàn lợn tăng 5,5%; gia cầm tăng 2,2% so cùng kỳ năm trước). Tuy nhiên, ngành chăn nuôi vẫn gặp khó khăn do giá thức ăn ở mức cao, nguy cơ tái phát dịch tả lợn châu Phi lớn, vì vậy cần có các biện pháp phòng và xử lý dịch hiệu quả, nhất là trong giai đoạn thời tiết thay đổi, chuyển mùa.

b) Lâm nghiệp

Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, diện tích rừng trồng mới tập trung cả nước ước đạt 67,2 nghìn ha, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 34,8 triệu cây, tăng 6,8%; sản lượng gỗ khai thác đạt 4,7 triệu m³, tăng 4,4%; sản lượng củi khai thác đạt 6,2 triệu ste, tăng 0,7%.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, diện tích rừng bị thiệt hại là 361,8 ha, giảm 25,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Diện tích rừng bị cháy là 13,7 ha, giảm 89,8%; diện tích rừng bị chặt phá là 348,1 ha, giảm 0,4%.

c) Thủy sản

Ước tính 4 tháng đầu năm 2022, sản lượng thủy sản đạt 2.600 nghìn tấn, tăng 2,2% so cùng kỳ năm trước. Trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 1.368,4 nghìn tấn, tăng 5,3%; thủy sản khác đạt 1.231,6 nghìn tấn, tăng 1,0%.

2. Sản xuất công nghiệp

Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 8,3, đóng góp 6,5 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,6%, đóng góp 0,6 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 2,6%, đóng góp 0,4 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,1%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Chỉ số sản xuất 4 tháng đầu năm 2022 của một số ngành trọng điểm cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm trước và có mức tăng cao hơn cùng kỳ năm 2019 (năm chưa

có dịch Covid-19): Sản xuất trang phục tăng 20,1% (cùng kỳ năm 2019 tăng 7,9%); sản xuất thiết bị điện tăng 19,1%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc thiết bị) tăng 12,8%, sản xuất da và các sản phẩm liên quan tăng 12,8%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 11,1%...Ở chiều ngược lại, chỉ số IIP của một số ngành giảm: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 12,9%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị giảm 11,5%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế giảm 8,3%; khai khoáng khác giảm 4%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 1,7%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/4/2022 tăng 1,3% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 3,9% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,2% và giảm 3,9%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 1,1% và giảm 2,4%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,5% và tăng 5,3%.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, cả nước có 49,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 635,3 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký 348,2 nghìn lao động, tăng 12,3% về số doanh nghiệp, tăng 1,2% về vốn đăng ký và tăng 2,3% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 1.345,5 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 17,1 nghìn doanh nghiệp tăng vốn, tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 4 tháng đầu năm 2022 là 1.980,8

ngàn tỷ đồng, tăng 39,4% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có 30,9 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 60,6% so với cùng kỳ năm 2021), nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 4 tháng đầu năm 2022 lên 80,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 26,9% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân một tháng có 20,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. *Kết quả trên cho thấy các giải pháp điều hành chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã tạo được niềm tin cho người dân và cộng đồng doanh nghiệp.*

Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn 41 nghìn doanh nghiệp, tăng 44,6% so với cùng kỳ năm trước; 15 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 8,7%; gần 5,6 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 17,5%. Bình quân một tháng có gần 15,4 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

4. Đầu tư

Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 109,6 nghìn tỷ đồng, bằng 20,6% kế hoạch năm, tăng 9,1% so với cùng kỳ. Trong đó: Vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý đạt 18,4 nghìn tỷ đồng, bằng 18,1% kế hoạch năm và tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước; Vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý đạt 91,2 nghìn tỷ đồng, bằng 21,2% kế hoạch năm và tăng 8% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/4/2022 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 10,81 tỷ USD, giảm 11,7% so với cùng kỳ năm trước.

Trong số 42 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong

4 tháng đầu năm 2022, Đan Mạch là nhà đầu tư lớn nhất với 1,32 tỷ USD, chiếm 35,7% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Xin-ga-po 793,6 triệu USD, chiếm 21,5%; Trung Quốc 495,4 triệu USD, chiếm 13,4%; Nhật Bản 256 triệu USD, chiếm 6,9%; Đài Loan 236,1 triệu USD, chiếm 6,4%.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 4 tháng đầu năm 2022 ước đạt 5,92 tỷ USD, là giá trị cao nhất của 4 tháng các năm 2018-2022, tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế năm 2022.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 4 tháng đầu năm 2022 có 34 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 285,8 triệu USD, gấp 2 lần so với cùng kỳ năm trước; có 9 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 41,9 triệu USD, giảm 89,6%. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 327,7 triệu USD, giảm 40% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 4 tháng đầu năm 2022 có 16 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó: Lào là nước dẫn đầu với 64,5 triệu USD, chiếm 19,7% tổng vốn đầu tư; Xin-ga-po 35,9 triệu USD, chiếm 11%; Hoa Kỳ 35,8 triệu USD, chiếm 10,9%; Đức, Hà Lan, Pháp cùng đạt 34,7 triệu USD, cùng chiếm 10,6%.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước 4 tháng đầu năm 2022 đạt 645,3 nghìn tỷ đồng, bằng 45,7% dự toán năm và tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: *Thu nội địa* đạt 520,3 nghìn tỷ đồng, bằng 44,2% dự toán năm và tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước; *Thu từ dầu thô* đạt 24,1 nghìn tỷ đồng, bằng 85,4% dự toán năm và tăng 93,4%; *Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu* đạt 100,9 nghìn tỷ đồng, bằng 50,7% dự toán năm và tăng 27,1%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước 4 tháng đầu năm 2022 ước đạt 470,2 nghìn tỷ đồng, bằng 26,3% dự toán năm và tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên đạt 340,3 nghìn tỷ đồng, bằng 30,6% dự toán năm và tăng 1,8% so; chi đầu tư phát triển đạt 95,7 nghìn tỷ đồng, bằng 18,2% và tăng 11,3%; chi trả nợ lãi 33,8 nghìn tỷ đồng, bằng 32,6% và giảm 11,8%.

6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 1.777,4 nghìn tỷ đồng, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 4,3%. Trong đó Bán lẻ hàng hóa đạt 1.429,3 nghìn tỷ đồng, tăng 7,6% so cùng kỳ năm trước; Dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 170,9 nghìn tỷ đồng, tăng 5,2%; Du lịch lữ hành đạt 4,3 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5%; dịch vụ khác đạt 172,9 nghìn tỷ đồng, giảm 0,6%.

Mặc dù tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng có quy mô 4 tháng đầu năm 2022 cao hơn nhưng tốc độ tăng vẫn thấp hơn so với cùng kỳ các năm trước khi xảy ra dịch bệnh.

b) Xuất nhập khẩu hàng hóa

Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 242,19 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước. *Cán cân thương mại hàng hóa 4 tháng đầu năm ước tính xuất siêu 2,53 tỷ USD.*

Xuất khẩu hàng hóa

Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 122,36 tỷ USD, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 31,77 tỷ USD, tăng 21,6%, chiếm 26% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 90,59 tỷ USD, tăng 14,7%, chiếm 74%. Có 22 mặt hàng

đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 86,9% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 6 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 63,1%).

Nhập khẩu hàng hóa

Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 119,83 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 40,97 tỷ USD, tăng 14,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 78,86 tỷ USD, tăng 16,4%. Có 22 mặt hàng nhập khẩu đạt giá trị trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 81,5% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 4 tháng đầu năm 2022, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 35,7 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 37,1 tỷ USD.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 2,53 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 1,5 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 9,2 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 11,73 tỷ USD.

c) Vận tải hành khách và hàng hóa

Tính chung 4 tháng đầu năm nay, vận tải hành khách đạt 1.224,8 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 6,3% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 56,1 tỷ lượt khách.km, giảm 0,7%. Trong đó, vận tải trong nước đạt 1.224,6 triệu lượt khách, giảm 6,3% và 55,2 tỷ lượt khách.km, giảm 1,9%; vận tải ngoài nước đạt 211,4 nghìn lượt khách, tăng 383,2% và 864 triệu lượt khách.km, tăng 443%.

Vận tải hàng hóa 4 tháng đầu năm 2022, đạt 628,3 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 129,9 tỷ tấn.km, tăng 12%. Trong đó, vận tải trong nước đạt 615,4 triệu tấn vận chuyển, tăng 4,9% và 78,9 tỷ tấn.km

luân chuyển, tăng 16,1%; vận tải ngoài nước đạt 12,9 triệu tấn vận chuyển, giảm 0,7% và 51 tỷ tấn.km luân chuyển, tăng 6,2%.

đ) Khách quốc tế đến Việt Nam

Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, khách quốc tế đến nước ta đạt gần 192,4 nghìn lượt người, tăng 184,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khách đến bằng đường hàng không đạt 170,4 nghìn lượt người, chiếm 88,6% lượng khách quốc tế đến Việt Nam, gấp gần 4 lần so với cùng kỳ năm trước; bằng đường bộ đạt 21,9 nghìn lượt người, chiếm 11,4% và giảm 10,5%; bằng đường biển đạt 64 lượt người, chiếm 0,03% và giảm 58,7%. Khách đến từ Châu Á đạt 118,3 nghìn lượt người, tăng 96,7% ;Châu Âu đạt 36,2 nghìn lượt người, tăng 649,9% ; Châu Mỹ đạt 27,8 nghìn lượt người, tăng 1.537,5% ; Châu Úc 9,1 nghìn lượt người, tăng 1.930,2%...

7. Một số tình hình xã hội

a) Đời sống dân cư và công tác an sinh xã hội

Theo kết quả sơ bộ từ Khảo sát mức sống dân cư, trong tháng 4 năm nay tỷ lệ hộ có thu nhập giảm so với cùng kỳ năm trước là 24,6% (trong đó 85,5% hộ gia đình đánh giá thu nhập giảm do ảnh hưởng của dịch Covid-19); tỷ lệ hộ có thu nhập không thay đổi là 43,6% và tỷ lệ hộ có thu nhập tăng là 31,8%. Bên cạnh đó, dịch Covid-19 đã ảnh hưởng phần lớn đến đời sống dân cư khi 74,8% hộ đang phải chịu những ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch Covid-19...

Tính đến ngày 25/4/2022, gói hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 8/10/2021 của Chính phủ đạt hơn 43,2 nghìn tỷ đồng hỗ trợ cho 36,6 triệu lượt người lao động và 381,7 nghìn đơn vị sử dụng lao động/hộ kinh doanh; gói hỗ trợ theo Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ đã giải ngân hơn 38,4 nghìn tỷ đồng hỗ trợ cho trên 13 triệu lượt lao động và 346,7 nghìn đơn vị/hộ kinh doanh sử dụng lao động.

b) Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Số ca mắc mới và tử vong do dịch Covid-19 ở hầu hết các khu vực trên thế giới giảm, nhiều nước đang chủ động thích ứng và đẩy nhanh quá trình trở lại cuộc sống trước đại dịch. Tại Việt Nam, tính đến 16h00 ngày 26/4/2022, cả nước có 10.620,2 nghìn trường hợp mắc, trong đó 9.116,2 nghìn trường hợp đã được chữa khỏi và hơn 43 nghìn trường hợp tử vong.

Từ ngày 21/4/2022 nhiều địa phương trên cả nước đã đồng loạt tổ chức tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi. Tính đến ngày 25/4/2022, tổng số liều vắc xin phòng Covid-19 đã được tiêm là 213.061,7 nghìn liều, trong đó tiêm mũi 1 là 81.210,6 nghìn liều; tiêm mũi 2 là 77.079,1 nghìn liều; tiêm mũi 3 (tiêm bổ sung, tiêm nhắc lại và mũi 3 liều cơ bản) là 54.772 nghìn liều.

c) Tai nạn giao thông

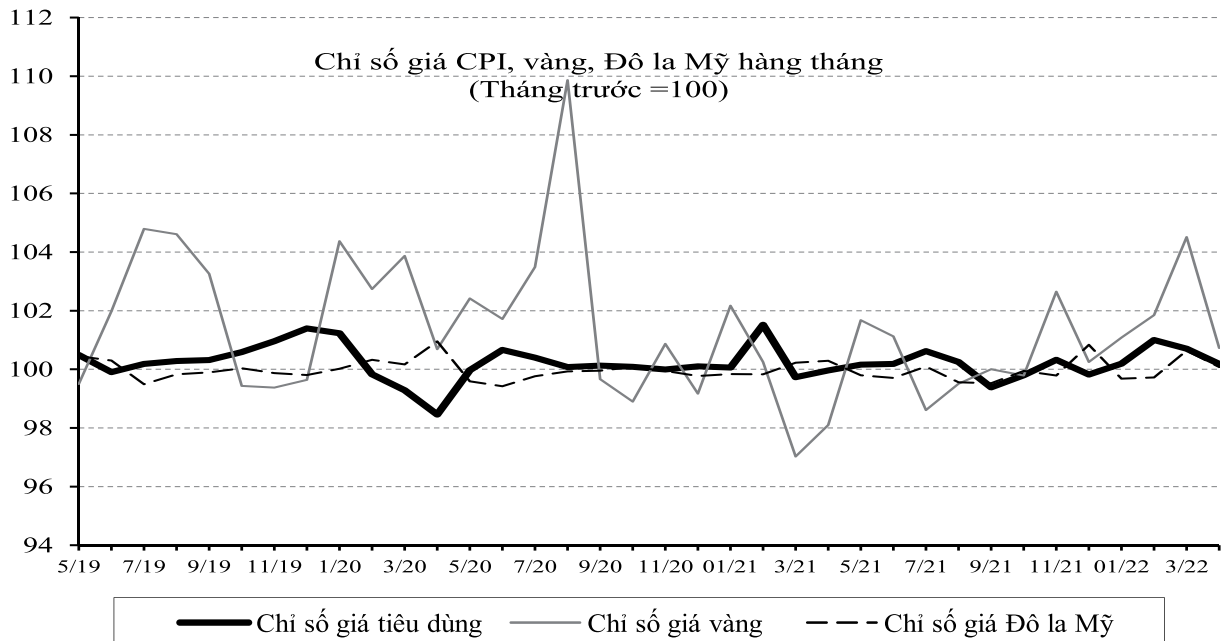
Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, trên địa bàn cả nước xảy ra 3.808 vụ tai nạn giao thông, làm 2.276 người chết, 1.327 người bị thương và 1.104 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 4 tháng đầu năm nay giảm 9,8%; số người chết tăng 5,1%; số người bị thương giảm 9,2% và số người bị thương nhẹ giảm 33,2%. Bình quân 1 ngày trong 4 tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 31 vụ tai nạn giao thông, làm 19 người chết, 11 người bị thương và 9 người bị thương nhẹ.

d) Thiệt hại do thiên tai

Tính chung 4 tháng đầu năm nay, thiên tai làm 19 người chết và mất tích, 11 người bị thương; 2,6 nghìn ngôi nhà bị sập đổ và hư hỏng; 119,9 nghìn ha lúa và 16,4 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính hơn 3.593 tỷ đồng, gấp 41,6 lần cùng kỳ năm 2021./.

Trích Báo cáo Tình hình kinh tế xã hội tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2022 - TCTK

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 4 năm 2022



Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 4 NĂM 2022 SO VỚI				4 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 4 năm 2021	Tháng 12 năm 2021	Tháng 03 năm 2022	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	107,28	102,64	102,09	100,18	102,10
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	110,30	101,08	101,22	99,95	100,43
1- Lương thực	110,47	102,05	100,82	100,21	102,15
2- Thực phẩm	109,34	99,85	100,79	99,68	99,06
3- Ăn uống ngoài gia đình	112,63	103,78	102,46	100,51	103,17
II. Đồ uống và thuốc lá	105,92	102,73	101,22	100,22	102,59
III. May mặc, mũ nón, giày dép	103,45	101,13	100,57	100,12	100,93
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	106,66	102,72	103,08	100,58	102,09
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	103,73	101,65	100,87	100,32	101,38
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	102,66	100,34	100,15	100,03	100,29
Trong đó: Dịch vụ y tế	102,45	100,03	100,01	100,00	100,03
VII. Giao thông	114,49	116,59	107,89	99,41	116,21
VIII. Bưu chính viễn thông	97,80	99,50	99,82	99,88	99,39
IX. Giáo dục	104,67	97,69	101,59	100,96	96,85
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	104,48	97,02	101,74	101,07	96,07
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	100,76	101,79	102,06	101,16	100,61
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	106,71	101,90	101,24	100,18	101,57
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	151,64	112,28	108,38	100,73	105,65
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	99,17	99,36	100,12	100,07	99,34

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng